

Bản án số: 189/2020/DS-PT

Ngày: 18/9/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;
Bà Lê Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 303/TL-DSPT ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc “Kiện đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất” do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6708/2020/QĐXX-PT ngày 05 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; Nguyên quán: thôn 10, xã Q1, huyện Q, tỉnh T; Hiện cư trú tại: Ấp 6, xã L1, huyện L, tỉnh B; Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Hoàng Thị Q2, sinh năm 1923; Cư trú tại: thôn 10, xã Q1, huyện Q, tỉnh T; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đào Xuân C, sinh năm 1963, cư trú tại: Số nhà 07 P1, phường P, thành phố T, tỉnh T (theo văn bản ủy quyền ngày 19/10/2018); Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh T.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T8 - Chủ tịch UBND huyện Q; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Hà Thế A – Phó Chủ tịch UBND huyện Q (văn bản ủy quyền ngày 15/9/2020); Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. UBND xã Q1, huyện Q.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Viên Đình T1 - Chủ tịch UBND xã Q1;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình C1, cán bộ địa chính xã Q1; Vắng mặt.

3. Bà Lưu Thị H1, sinh năm 1934; Nơi cư trú: thôn 8, xã Q1, huyện Q, tỉnh T.

4. Bà Nguyễn Thị C2, sinh năm 1950; Nơi cư trú: thôn 8, xã Q3, thành phố S, tỉnh T; Có mặt.

5. Ông Nguyễn Bá T2, sinh năm 1951; Nơi cư trú: thôn 10, xã Q1, huyện Q, tỉnh T, Có mặt.

6. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1956; Nơi cư trú: thôn 6, xã Q1, huyện Q, tỉnh T.

7. Ông Nguyễn Bá T2, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Ấp 1 xã T3, huyện P2, tỉnh B.

8. Bà Nguyễn Thị Hòa, sinh năm 1962; Nơi cư trú: thôn 10, xã Q1, huyện Q, tỉnh T, Có mặt.

9. Ông Nguyễn Bá An, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Ấp 5, xã T3, huyện P2, tỉnh B.

10. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Ấp 5, xã T3, huyện P2, tỉnh B.

11. Anh Nguyễn Bá K, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn 10, xã Q1, huyện Q, tỉnh T, Có mặt.

12. Chị Viên Thị T5, Viên Thị N, Viên Thị T6, Viên Thị H3, Viên Thị G; Đều cư trú tại: Ấp 1, xã T3, huyện P2, tỉnh B.

Bà H1, bà D, ông T2, ông An, bà T4, chị T5, chị N, chị T6, chị H3 có đơn xin xét xử vắng mặt.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các lời khai và văn bản ý kiến có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bố mẹ đẻ của bà là ông Nguyễn Bá T7 và bà Lưu Thị H1 có tài sản chung là quyền sử dụng diện tích đất 985m², thửa số 596, tờ bản đồ 04, bản đồ địa chính xã Q1 năm 1994, tại thôn 10, xã Q1, huyện Q, tỉnh T. Nguồn gốc đất là do Ủy ban nhân dân (UBND) xã Q1 giao đất năm 1966. Năm 1969, bố bà là ông Nguyễn Bá T7 hy sinh. Năm 1973, bà Lưu Thị H1 kết hôn lần hai và chuyển về nhà chồng sinh sống, Bà H1 tặng lại cho bà toàn bộ quyền sử dụng diện tích đất nói trên.

Năm 1994, bà đi làm ăn xa nên gửi ông Nguyễn Bá L2 (là bác ruột, anh trai ông Nguyễn Bá T7) và vợ là bà Hoàng Thị Q2 trông coi giúp nhà đất. Năm 1994, ông Nguyễn Bá L2 đã kê khai và được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2006, ông Nguyễn Bá L2 tự ý phá bỏ nhà ở của bà để xây dựng nhà mới trên đất. Bà đã làm đơn đề nghị ông Nguyễn Bá L2 trả lại nhà đất cho bà, lúc đó bà mới biết diện tích đất của bà đã được cấp cho ông Nguyễn Bá L2, bà đã yêu cầu UBND xã Q1 và UBND huyện Q hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Bá L2. UBND huyện Q đã ban hành Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 13/7/2010, Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 04/6/2012, Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 03/12/2013 về giải quyết khiếu nại của bà. Tại Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 của UBND huyện Q đã quyết định thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01546 ngày 30/6/1994 mang tên ông Nguyễn Bá L2.

Năm 2017, ông Nguyễn Bá L2 chết, bà Q2 già yếu hiện đang ở với con trai là ông Nguyễn Bá T1. Vì vậy, bà khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh T buộc bà Hoàng Thị Q2 phải trả lại diện tích đất 985m² tại thửa đất 596, tờ bản đồ số 4 xã Q1 như đã nói trên cho bà.

** Trong các lời khai và đơn yêu cầu phản tố bị đơn bà Hoàng Thị Q2 và đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:* Thửa đất mà bà Nguyễn Thị H đang tranh chấp với ông Nguyễn Bá L2, vợ là bà Hoàng Thị Q2 có nguồn gốc là của ông Nguyễn Bá L2, sử dụng ổn định từ trước năm 1970. Ngày 30/6/1994, UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Bá L2 số G 448193, vào sổ cấp giấy 01546, diện tích 856m² đất kinh tế vườn và 200m² đất ở lâu dài nằm ở thửa 596. Ông L2 và bà Q2 đã sử dụng ổn định và sinh 08 người con, nay người con đầu đã 70 tuổi, ngoài ra ông L2 và bà Q2 không có chỗ ở nào khác. Ngày 04/6/2012, UBND huyện Q đã ban hành Quyết định số 927/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Bá L2. Ngày 12/7/2013, UBND huyện Q lại ban hành Quyết định số 1544/QĐ-UBND với nội dung thu hồi và hủy Quyết định số 927/QĐ-UBND, với lý do chờ giải quyết khiếu nại lần hai của UBND tỉnh hoặc của Tòa án nhân dân. Kể từ đó đến nay, UBND tỉnh T chưa có quyết định giải quyết khiếu nại lần hai, Tòa án nhân dân cùng cấp cũng chưa có bản án giải quyết tranh chấp đất đai cho các bên. Ngày 03/12/2013, UBND huyện Q lại ban hành Quyết định 4268/QĐ-UBND với nội dung thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 1544/ QĐ-UBND ngày 12/7/2013, đồng thời giao UBND xã Q1 lập hồ sơ trình UBND huyện lấy đất của ông L2 cấp cho bà H. Việc UBND huyện Q đã ban

hành quyết định nêu trên không đúng trình tự giải quyết khiếu nại xâm hại đến quyền lợi của gia đình ông L2, bà Q2. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh T bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và hủy quyết định số 4268/QĐ-UBND của UBND huyện Q.

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị C2, ông Nguyễn Bá T1, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Bá T2, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Bá A1, bà Nguyễn Thị T4 (là con của ông L2 và bà Q2) đều trình bày:*

Khu đất mà bà H đang tranh chấp có nguồn gốc do bố và mẹ các ông, bà khai hoang, ở và sinh sống trước năm 1970, cũng tại mảnh đất này bố mẹ ông bà đã sinh được 08 người con, ngoài chỗ ở đó bố mẹ ông bà không còn chỗ ở nào khác. Còn đất của ông Nguyễn Bá T7 trước đây là thửa đất khác nằm ở ven biển thuộc thôn 10, xã Q1, do nước biển ăn mòn cuốn mất đất nhà ông T7. Năm 1963, ông Nguyễn Bá T7 là bố bà H đi bộ đội và đến năm 1969 ông T7 hy sinh. Năm 1973, Bà H1 là vợ của ông T7 và là mẹ đẻ của bà H tái giá, lúc đó bà H còn nhỏ, nên gia đình các ông, bà cho bà H về ở cùng trên khu đất hiện tại đang tranh chấp. Năm 1984, bà H đi miền Nam làm ăn, đến năm 2006 bà H về xin bố, mẹ các ông, bà 200m² đất. Bố, mẹ của các ông bà nghĩ bà H là cháu cũng như con đẻ nên đồng ý cho 200m² đất để ở. Năm 2009, bà H quay về đòi lấy toàn bộ khu đất gia đình các ông bà. Thửa đất đang tranh chấp là của bố mẹ các ông, bà đóng thuế thực hiện nghĩa vụ, không liên quan gì đến bà H.

** UBND huyện Q trình bày:* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Bá L2 có số seri G 448193, số vào sổ 01546/QSĐĐ do UBND huyện Q cấp ngày 30/6/1994 tại thửa số 596, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.056m² trong đó có 200m² đất ở và 856m² đất cây lâu năm. Theo kết quả xác minh kết luận khu đất này trước đây là đất chính quyền xã Q1 cấp cho gia đình ông T7 và Bà H1 (là bố và mẹ bà H). Do ông T7 hy sinh, Bà H1 đi lấy chồng và con gái là bà H đi làm ăn xa không làm giấy tờ bàn giao và không báo cáo chính quyền địa phương, nên khi thực hiện chủ trương giao đất ổn định lâu dài ông L2 là người đứng ra kê khai và được cấp giấy chứng nhận như trên. Từ kết quả trên, UBND huyện Q ban hành Quyết định số 4268/QĐ-UB ngày 03/12/2013 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Bá L2 là hoàn toàn đúng. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh T giải quyết theo quy định pháp luật.

** UBND xã Q1, huyện Q trình bày:*

Căn cứ vào biên bản hội nghị nhân dân về việc xác minh nguồn gốc sử dụng đất của ông Nguyễn Bá L2 và bà Hoàng Thị Q2 tại thửa 596, tờ bản đồ số 04 thì ông Nguyễn Bá L2 và bà Hoàng Thị Q2 sử dụng và sinh sống trên thửa

đất này từ sau năm 1980. Lúc này ông Nguyễn Bá T7 đi bộ đội và đã hy sinh, bà Lưu Thị H1 đi lấy chồng và cô con gái là bà Nguyễn Thị H đã đi miền Nam làm ăn và sinh sống. Trước đó thì ông L2 và bà Q2 cùng các con sinh sống trên diện tích thửa đất mà hiện nay ông Nguyễn Bá T1 đang ở (ông T1 là con trai ông L2 và bà Q2). Trước năm 1960, bố ông L2 là ông Nguyễn Bá N và các con là Nguyễn Bá S1, Nguyễn Bá L2 và Nguyễn Bá T7 cùng sinh sống tại khu vực hồ sứt giáp với khu vực đất ở của ông M, ông T9, ông V. Vào khoảng năm 1960, ông Nguyễn Bá L2 chuyển vào ở và sinh sống tại thửa đất mà hiện nay ông Nguyễn Bá T1 là con trai ông L2 đang ở, còn ông Nguyễn Bá T7 chuyển vào ở và sinh sống tại thửa số 596, tờ bản đồ số 04. Tại sổ mục kê năm 1994 thể hiện thửa đất 596, tờ bản đồ số 04, bản đồ địa chính xã Q1 năm 1994, diện tích 1.056m², loại đất thổ cư đứng tên ông Nguyễn Bá L2. UBND xã Q1 đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

** Quá trình giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H thể hiện:*

- Ngày 13/7/2010, UBND huyện Q ban hành Quyết định số 834/QĐ-UBND, nội dung thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận số G448193, sổ vào sổ cấp giấy số 01546 đã cấp cho ông Nguyễn Bá L2 ngày 30/6/1994 tại thửa đất số 596 tờ bản đồ 04 bản đồ địa chính xã Q1 đo đạc năm 1994.

- Ngày 20/01/2011, sở Tài nguyên Môi trường tỉnh T có báo cáo số 06/BC-STNMT gửi UBND tỉnh T, với nội dung: Chủ tịch UBND huyện Q ban hành Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 13/7/2010 giải quyết khiếu nại đối với bà Nguyễn Thị H, trong đó có nội dung thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông L2 năm 1994 nhưng chưa ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất đứng tên ông Nguyễn Bá L2.

- Việc khiếu nại của ông Nguyễn Bá L2 không có cơ sở giải quyết vì quyền lợi của ông đối với khu đất chưa bị xâm hại.

- Ngày 08/3/2011, UBND tỉnh T ban hành công văn số 1184/UBND-TD, về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Bá L2, với nội dung: “Chủ tịch UBND huyện Q ra quyết định giải quyết khiếu nại thu hồi và hủy bỏ GCNQSD đất là chưa đúng trình tự thủ tục và không thể thay thế cho quyết định thu hồi GCNQSD đất của ông Nguyễn Bá L2”.

- Ngày 04/6/2012, UBND huyện Q ban hành Quyết định số 927/QĐ-UBND về việc thu hồi hủy bỏ GCNQSD đất số 01546/QSD đất do UBND huyện Q cấp ngày 30/6/1994 (số seri giấy G448193 mang tên ông Nguyễn Bá L2).

- Ngày 12/7/2013, UBND huyện Q ban hành Quyết định số 1544/QĐ-UBND với nội dung thu hồi hủy bỏ Quyết định số 927 ngày 04/6/2012 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc thu hồi hủy bỏ GCNQSD đất cấp cho hộ ông

Nguyễn Bá L2, tại xã Q1, huyện Q, lý do đề chờ quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của UBND tỉnh hoặc của Tòa án.

- Ngày 03/12/2013, UBND huyện Q ban hành Quyết định số 4268/QĐ-UBND về việc thu hồi hủy bỏ Quyết định số 1544/QĐ-UBND ngày 12/7/2013 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc thu hồi hủy bỏ Quyết định số 927 ngày 04/6/2012 về việc thu hồi hủy bỏ GCNQSD đất đã cấp cho hộ gia đình cá nhân.

Tại Công văn số 130/UBND-TNMT ngày 30/01/2018 của UBND huyện Q thể hiện hồ sơ liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Bá L2 không có trong lưu trữ của kho văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Q

** Biên bản thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thể hiện:*

- Về đất: Thửa đất đang tranh chấp tại thôn 10, xã Q1, huyện Q, có kích thước cụ thể như sau: Phía Bắc giáp hộ ông Đới Sỹ T10 dài 33m; Phía Nam giáp hộ ông Nguyễn Thế K1 dài 35m; Phía Tây giáp các hộ ông Nguyễn Bá P, bà Nguyễn Thị H4 và ông L3 dài 32m; Phía Đông giáp các hộ ông T1 (đất màu), đất ở nhà ông K2, và đất ở nhà ông T10 dài 29,7m, diện tích thửa đất 1.050m².

- Về tài sản trên đất: 01 nhà lợp kèo xây gạch diện tích 3,4m x 6,8m; 01 nhà lợp ngói diện tích 4,4m x 6,5m xây năm 1971; 01 cây mít, 17 cây bạch đàn có đường kính từ 10-20cm.

Kết quả định giá xác định trong 1.050m² đất có 1.000m² đất ở, trị giá 350.000đ/m² x 1.000m² = 350.000.000đ; 50m² đất trồng cây lâu năm, trị giá 175.000đ x 50m² = 8.750.000đ; 01 cây mít trị giá 398.000đ, 17 cây bạch đàn trị giá 1.360.000đ. 02 nhà hết khấu hao nên các đương sự thống nhất trị giá 0đ. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất 358.750.000đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37, khoản 1 Điều 147, Điều 166, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 100, điểm d khoản 2 Điều 106, Điều 203 Luật Đất đai; Điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H: Buộc bà Hoàng Thị Q2 phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H 1.050m² đất tại thửa 596 tờ bản đồ 04 bản đồ địa chính xã Q1 năm 1994 (thửa 203 tờ bản đồ số 15 bản đồ địa chính xã Q1 năm 2014), có kích thước cụ thể như sau: Phía Bắc giáp hộ ông Đới Sỹ Tài dài 33m; Phía Nam giáp hộ ông Nguyễn Thế K1 dài 35m; Phía Tây giáp các hộ ông Nguyễn Bá P, bà Nguyễn Thị H4 và ông L3 dài 32m; Phía Đông giáp các hộ ông T1 (đất màu), đất ở nhà ông K2, và đất ở nhà ông T10 dài 29,7m. Bà Q2 phải thu hoạch 01 cây mít và 17 cây bạch đàn trên diện tích đất nói trên.

- Bà Nguyễn Thị H phải trả tiền công trông coi, bảo quản thửa đất cho bà Hoàng Thị Q2 số tiền 70.000.000đ.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị Q2 về yêu cầu hủy Quyết định số 4268/QĐ-UBND về việc thu hồi hủy bỏ Quyết định số 1544/QĐ-UBND ngày 12/7/2013 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc thu hồi hủy bỏ Quyết định số 927 ngày 04/6/2012 về việc thu hồi hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Bá L2.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, bà Hoàng Thị Q2 kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn trả lại toàn bộ diện tích đất tại thửa số 596 tờ bản đồ 04 bản đồ địa chính xã Q1 năm 1994 (thửa 203 tờ bản đồ số 15 bản đồ địa chính xã Q1 năm 2014);

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn có mặt tại phiên tòa đều cho rằng: ông Nguyễn Bá L2 sinh năm 1923, chết năm 2017; năm 2009 khi giải quyết tranh chấp đất đai với bà H tại UBND xã đã bị lẫn, không còn minh mẫn.

Các đương sự không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị Q2, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, các bên đương sự về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn; xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, tại đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Hoàng Thị Q2 phải trả lại diện tích đất 985m² tại thửa đất 596, tờ

bản đồ số 04, bản đồ địa chính xã Q1 (tại phiên tòa bà H xác định đòi lại toàn bộ diện tích đất tại thửa 596). Do ông Nguyễn Bá L2 đã chết nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa các con của ông L2, bà Q2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong 8 người con chung của ông L2, bà Q2 có bà Nguyễn Thị T9 đã chết, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người thừa kế của bà Thập vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục thiếu sót này, triệu tập các chị Viên Thị N, Viên Thị T6, Viên Thị H3, Viên Thị G tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm là đảm bảo quyền lợi.

Trong hồ sơ vụ án có tài liệu là bản di chúc của ông Nguyễn Bá L2 và bà Hoàng Thị Q2 lập ngày 20/10/2014, với nội dung: cho bà Nguyễn Thị H2 diện tích 856m² đất, cho anh Nguyễn Bá K 200m² đất tại thửa 596 nhưng không có biên bản giao nhận thể hiện ngày tháng và người nộp tài liệu, chứng cứ. Tuy nhiên, căn cứ nội dung Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 25/8/2017 thể hiện bản di chúc này được nộp sau khi Tòa án cấp sơ thẩm tổ chức Phiên họp công khai chứng cứ; tại phiên tòa phía bị đơn xác nhận nộp biên bản trên tại phiên tòa sơ thẩm. Do sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm trong việc giao nhận tài liệu, chứng cứ Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục thiếu sót triệu tập anh Nguyễn Bá K tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Mặt khác, quyền lợi của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét; sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn có kháng cáo, do đó quyền lợi của các đương sự tiếp tục được cấp phúc thẩm xem xét nên không có căn cứ Hủy bản án sơ thẩm như kháng cáo của bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp:

Theo trình bày của nguyên đơn thì diện tích đất 985m², thửa số 596, tờ bản đồ 04, bản đồ địa chính xã Q1 năm 1994, tại thôn 10, xã Q1, huyện Q, tỉnh T có nguồn gốc là do UBND xã Q1 giao đất năm 1966 cho ông Nguyễn Bá T7 và bà Lưu Thị H1 là bố mẹ đẻ của nguyên đơn. Năm 1969, ông Nguyễn Bá T7 hy sinh. Năm 1973 bà Lưu Thị H1 kết hôn lần hai và chuyển về nhà chồng sinh sống, Bà H1 tặng lại cho bà toàn bộ quyền sử dụng diện tích đất nói trên. Năm 1994, bà đi làm ăn xa nên gửi ông Nguyễn Bá L2 (là bác ruột, anh trai ông Nguyễn Bá T7) và vợ là bà Hoàng Thị Q2 trông coi giúp nhà đất; sau đó ông Nguyễn Bá L2 đã kê khai và được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn xác định thửa đất mà bà Nguyễn Thị H đang tranh chấp với vợ chồng ông bà có nguồn gốc là của ông Nguyễn Bá L2, sử dụng ổn định từ trước năm 1970 và ngày 30/6/1994 được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết tranh chấp đất đai, tại buổi hòa giải do UBND xã Q1 tiến hành vào ngày 20/11/2009, ông Nguyễn Bá L2 thừa nhận: Khu đất hiện nay đang tranh chấp nguồn gốc là do hợp tác xã K3 cũ cấp cho ông Nguyễn Bá T7. Năm 1969, ông T7 hy sinh, khu đất do Bà H1 và con là chị Nguyễn Thị H sử dụng. Năm 1973, Bà H1 đi lấy chồng thì bố ông xuống ở với bà H, năm 1985 bố ông chết, bà H đi làm ăn xa, toàn bộ khu đất ông là người quản lý trông coi. Đến năm 1994, ông kê khai và được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 596 tờ bản đồ số 04 bản đồ địa chính xã Q1 năm 1994. Phía bị đơn cho rằng thời điểm hòa giải ông L2 đã bị lẫn do tuổi cao; Tuy nhiên căn cứ xác nhận của công chứng viên, Văn phòng công chứng N2 tỉnh T tại bản di chúc ngày 20/10/2014 thì tại thời điểm này ông L2 vẫn minh mẫn và sáng suốt.

UBND xã Q1 đã tiến hành tổ chức hội nghị nhân dân về việc xác minh nguồn gốc sử dụng đất của ông Nguyễn Bá L2 và bà Hoàng Thị Q2 tại thửa 596, tờ bản đồ 04 thể hiện: Trước năm 1960, bố ông Nguyễn Bá L2 là cụ Nguyễn Bá N1 cùng các con là Nguyễn Bá S1, Nguyễn Bá L2 và Nguyễn Bá T7 cùng ở và sinh sống tại khu vực hồ súrt giáp với khu vực đất của ông M, ông T9, ông V. Vào khoảng năm 1960, ông L2 và bà Q2 cùng các con sinh sống trên thửa đất mà hiện nay ông Nguyễn Bá T1 (con ông L2 và bà Q2) đang ở, còn ông Nguyễn Bá T7 chuyển vào ở và sinh sống tại thửa số 596, tờ bản đồ 04, bản đồ địa chính xã Q1 năm 1994. Ông Nguyễn Bá L2 và bà Hoàng Thị Q2 sử dụng và sinh sống trên mảnh đất tranh chấp sau năm 1980, thời điểm này ông Nguyễn Bá T7 đi bộ đội và đã hy sinh, bà Lưu Thị H1 đi lấy chồng, con gái là bà Nguyễn Thị H đi miền Nam làm ăn.

Từ những căn cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tại thửa 596, tờ bản đồ số 04 bản đồ địa chính xã Q1 năm 1994 mà UBND huyện Q cấp cho ông Nguyễn Bá L2 ngày 30/6/1994 thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Bá T7 và bà Lưu Thị H1 là bố mẹ đẻ của bà Nguyễn Thị H để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H buộc bà Hoàng Thị Q2 trả lại toàn bộ thửa đất diện tích 1.056m² (đo thực tế 1.050m²) là có căn cứ.

[2.2]. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét hiện trạng diện tích đất tranh chấp 1.050m² có ngõ đi vào chỉ rộng 1,4m, xung quanh tiếp giáp với các hộ dân, nên việc áng trích công sức bằng đất là không phù hợp; mặt khác hiện nay bà Q2 tuổi cao, sức khỏe yếu đang ở cùng ông Toàn nên không có nhu cầu

sử dụng đất để áng trích công sức cho bà Q2 bằng tiền là phù hợp. Tuy nhiên khi áng trích công sức cần xem xét ông L2, bà Q2 có trên 20 năm bảo quản thửa đất, có nhiều công sức trông nom, gìn giữ làm tăng giá trị của đất. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy mức áng trích công sức tương đương giá trị của 200m² đất bằng 70.000.000đ như quyết định của bản án sơ thẩm là chưa phù hợp; cần tăng mức áng trích công sức mới đảm bảo quyền lợi cho bị đơn.

[3]. Xét yêu cầu hủy Quyết định 4268/QĐ-UBND ngày 03/12/2013 của UBND huyện Q của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định 88/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về việc thu hồi đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp thể hiện: Nếu qua thẩm tra có kết luận là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là trái pháp luật thì cơ quan nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

Kết quả thanh tra, kiểm tra xác định năm 1994, UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Bá L2 là không đúng, vì ông L2 không phải là người có quyền sử dụng đất, chỉ là người trông coi hộ thửa đất cho bà Nguyễn Thị H. Vì vậy, UBND huyện Q thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông L2. Trên cơ sở đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu hủy quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyết định 4268/QĐ-UBND về việc thu hồi hủy bỏ Quyết định số 1544/QĐ-UBND ngày 12/7/2013 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc thu hồi hủy bỏ Quyết định số 927/QĐ- UBND ngày 04/6/2012 về việc thu hồi hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình cá nhân là có căn cứ.

[4]. Quyết định của bản án sơ thẩm buộc bà H phải trả tiền công trông coi, bảo quản thửa đất cho bà Hoàng Thị Q2 nhưng không buộc bà H phải chịu lãi suất; không trả lại bà H tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm; tuyên xử lý tài sản trên đất chưa rõ ràng nên Tòa án cấp phúc thẩm sẽ sửa bản án sơ thẩm để đảm bảo việc áp dụng đúng quy định của pháp luật.

Đối với những nội dung kháng cáo khác của bị đơn đã được Tòa án cấp sơ thẩm phân tích đánh giá và quyết định là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của bị đơn bà Hoàng Thị Q2. Kháng cáo của bị đơn không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nhưng do cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị Q2; Sửa bản án sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh T về phần án trích công sức; lãi suất; xử lý tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và tài sản trên đất.

1. Buộc bà Hoàng Thị Q2 phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H 1.050m² đất tại thửa 596 tờ bản đồ 04 bản đồ địa chính xã Q1 năm 1994 (thửa 203 tờ bản đồ số 15 bản đồ địa chính xã Q1 năm 2014), có kích thước cụ thể như sau: Phía Bắc giáp hộ ông Đới Sỹ T10 dài 33m; Phía Nam giáp hộ ông Nguyễn Thế K1 dài 35m; Phía Tây giáp các hộ ông Nguyễn Bá P, bà Nguyễn Thị H4 và ông L3 dài 32m; Phía Đông giáp các hộ ông T1 (đất màu), đất ở nhà ông K2, và đất ở nhà ông T10 dài 29,7m.

Bà Q2 phải thu hoạch, di dời 01 cây mít và 17 cây bạch đàn trên diện tích đất nói trên để trả lại mặt bằng đất cho bà H.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả tiền công trông coi, bảo quản thửa đất cho bà Hoàng Thị Q2 số tiền là 105.000.000đ (một trăm lẻ lăm triệu đồng chẵn)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ; cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền trên thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí sơ thẩm: Trả lại bà Nguyễn Thị H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2013/04902 ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

Án phí phúc thẩm: bà Hoàng Thị Q2 là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà